|  |  |
| --- | --- |
| UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI  **TRƯỜNG ĐH THỦ ĐÔ HÀ NỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN ĐẠI HỌC  
Ngành: Chính trị học**

*(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-ĐHTĐHN, ngày / /2019 của  
Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ đô Hà Nội)*

**1. Thông tin chung**

- Tên ngành đào tạo: **Chính trị học (Politics)**

- Trình độ đào tạo: **Đại học**.

- Tên văn bằng tốt nghiệp: **Cử nhân**

+ Tiếng Việt: ***Cử nhân Chính trị học***

+ Tiếng Anh: ***Political bachelor***

- Thời gian đào tạo chuẩn: **4 năm**

- Hình thức đào tạo: **Chính quy tập trung**

*Đối tượng người học:* Là học sinh THPT đáp ứng yêu cầu tuyển sinh đại học được tuyển vào ngành Chính trị học trường Đại học Thủ đô Hà Nội.

**2.** **Chuẩn đầu ra:** Sinh viên ngành Chính trị học được đào tạo theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng trình độ Đại học, sau khi tốt nghiệp phải đạt những tiêu chuẩn sau:

***2.1. Chuẩn phẩm chất***

|  |  |
| --- | --- |
| **Phẩm chất** | ***Giá trị đặc trưng*** |
| *2.1.1. Phẩm chất công dân toàn cầu* | Tôn trọng sự khác biệt về chủng tộc, tôn giáo, văn hóa, quốc gia, dân tộc giữa các cộng đồng khác nhau. |
| Biết cách thể hiện các giá trị cá nhân, độc lập, tự chủ và tôn trọng giá trị cá nhân, quyền con người của người khác. |
| Có hiểu biết về cơ chế kết nối, quản trị thế giới giữa các quốc gia, giữa các cộng đồng, hiểu biết và tôn trọng những giá trị tinh hoa của thế giới. |
| Có tinh thần làm việc chủ động, khả năng tự lập trong cuộc sống, khả năng tư duy độc lập, sống có trách nhiệm với cộng đồng, với môi trường. |
| Tự tin giao tiếp bằng ngoại ngữ trong môi trường đa văn hóa; có năng lực sử công nghệ thông tin để làm việc và kết nối thông tin Quốc tế. |
| Có tinh thần hợp tác, khả năng làm việc đội nhóm; thích ứng với các môi trường làm việc khác nhau, môi trường làm việc có nhiều nền văn hóa. |
| *2.1.2. Phẩm chất công dân Việt Nam* | Yêu nước, trung thành với Tổ quốc Việt Nam Xã hội chủ nghĩa.  Tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và lí tưởng cách mạng của Đảng. |
| Sống, làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. |
| Có tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc, có ý thức gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc; sống trung thực, nhân ái, có trách nhiệm và hành động vì cộng đồng. |
| Có ý thức xây dựng và quảng bá hình ảnh tốt đẹp về đất nước, con người Việt Nam với thế giới. |
| *2.1.3. Phẩm chất công dân*  *Thủ đô* | Có tinh thần thực hiện nếp sống văn minh, thanh lịch của người Hà Nội; thực hiện tốt các quy tắc ứng xử nơi công cộng, công sở của Hà Nội. |
| Có ý thức tự hào, kế thừa và phát huy những giá trị đạo đức, văn hóa, nhân văn của Thăng Long - Hà Nội; có ý thức quảng bá hình ảnh tốt đẹp về Thủ đô Hà Nội với nhân dân trong nước và khách Quốc tế. |
| Chủ động thích ứng với những biến đổi, phát triển về kinh tế - văn hóa - xã hội của Thủ đô Hà Nội. |
| *2.1.4. Phẩm chất phục vụ nghề nghiệp* | - Yêu nghề, tự hào về nghề, sẵn sàng khắc phục khó khăn để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. |
| - Chấp hành các quy chế, quy định của ngành. |
| - Khách quan, công tâm trong giải quyết các mối quan hệ trong công việc liên quan đến vị trí việc làm được phân công đảm trách. |
| - Có tinh thần trách nhiệm trong các công việc được giao. |
| - Có ý thức trong việc đưa ra các giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả công việc. |
| *2.1.5. Phẩm chất chuyên môn* | - Tôn trọng và tuân thủ Hiến pháp và pháp luật. |
| - Thẳng thắn, trung thực trong công tác, có tinh thần đoàn kết, đặt lợi ích nhân dân lên trên hết. |
| - Có ý thức phục vụ cộng đồng, phục vụ nhân dân. |
| - Có tác phong làm việc khoa học, làm việc nhóm, làm việc độc lập phù hợp với phẩm chất, đạo đức của người cán bộ làm việc trong lĩnh vực chính trị. |
| - Có tác phong chuẩn mực, trách nhiệm trong công việc; đoàn kết, chia sẻ, giúp đỡ đồng nghiệp. |
| - Có tinh thần tự học, nâng cao chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp. |

***2.2. Chuẩn năng lực của sinh viên ngành Chính trị học***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên năng lực** | **Biểu hiện của năng lực** | **Thang đo năng lực** |
| *2.2.1. Ngoại ngữ* | - Có thể hiểu được những thông tin hiện thực đơn giản được diễn đạt rõ ràng bằng giọng chuẩn về các chủ đề liên quan tới cuộc sống và công việc thường ngày.  - Có thể xác định được ý chính trong các bài nói được trình bày rõ ràng về những chủ đề thường gặp trong cuộc sống, công việc hay trường học, kể cả các câu chuyện khi được diễn đạt rõ ràng bằng phương ngữ chuẩn phổ biến. | Năng lực ngoại ngữ bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ dành cho Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư 01/2014/TT- BGDĐT |
| - Có thể sử dụng ngôn ngữ đơn giản để giải quyết hầu hết các tình huống có thể phát sinh trong khi đi du lịch.  - Có thể giao tiếp tương đối tự tin về những vấn đề quen thuộc và không quen thuộc liên quan tới lĩnh vực chuyên môn hoặc quan tâm của mình. Có thể trao đổi, kiểm tra và xác nhận thông tin, xử lí các tình huống ít gặp và giải quyết vấn đề.  - Có thể bày tỏ suy nghĩ về những chủ đề văn hóa, có tính trừu tượng như phim ảnh, âm nhạc. |
| Có thể đọc hiểu các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề liên quan đến chuyên ngành và lĩnh vực yêu thích, quan tâm của mình. |
| Có thể viết bài đơn giản, có tính liên kết về các chủ đề quen thuộc hoặc mối quan tâm cá nhân bằng cách kết nối các thành tố đơn lập thành bài viết có cấu trúc. |
| *2.2.2. Công nghệ thông tin* | Sử dụng thành thạo máy tính với các hệ điều hành và phần mềm ứng dụng phổ biến. | Đạt năng lực chuẩn kĩ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT |
| Sử dụng thành thạo một số dịch vụ Internet; tiếp cận được với môi trường làm việc trực tuyến sử dụng công nghệ hiện đại. |
| Biết cách đảm bảo an toàn và bảo mật thông tin khi sử dụng máy tính và các dịch vụ mạng. |
| Tôn trọng quyền riêng tư, bản quyền và quyền sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm Công nghệ thông tin. |
| Tự học, tự nghiên cứu nhằm thích ứng với sự thay đổi rất nhanh trong lĩnh vực công nghệ thông tin. |
| **Năng lực chuyên ngành Chính trị học** | | **Thang đo năng lực** |
| *2.2.3. Năng lực hoạt động lí luận* | Hiểu các kiến thức cơ bản về đời sống chính trị Việt Nam và thế giới đương đại, quan hệ chính trị quốc tế, chính trị và sự phát triển xã hội... | 1 |
| Có khả năng phê phán, lập luận, đánh giá một vấn đề chính trị. | 2 |
| Có khả năng phát hiện và giải quyết các vấn đề liên quan đến chủ đề môn học hoặc liên môn. | 2 |
| Có khả năng lựa chọn đề tài nghiên cứu; xây dựng đề cương nghiên cứu; thu thập và phân tích dữ liệu… phục vụ viết bài báo/báo cáo khoa học. | 3 |
| *2.2.4. Năng lực hoạt động thực tiễn* | Nhận diện được các vấn đề an ninh và xung đột trong đời sống chính trị quốc gia và quốc tế. | 1 |
| Có khả năng soạn thảo thư điện tử, văn bản hành chính, tài liệu truyền thông phù hợp với thể thức và văn phong qui định. | 2 |
| Có khả năng phân tích và đưa ra phương án xử lí phù hợp đối các tình huống và điểm nóng chính trị - xã hội. | 2 |
| Có khả năng thuyết trình một vấn đề chính trị. | 3 |
| Có khả năng thiết kế và tổ chức các hoạt động dạy học Chính trị học. | 3 |
| *2.2.5. Năng lực phát triển nghề nghiệp* | Hiểu qui trình lập kế hoạch và ra một quyết định quản lí | 1 |
| Nhận diện được các xung đột trong lãnh đạo, quản lý và thực hành nghề nghiệp. | 1 |
| Xác định được các mục tiêu trong lập kế hoạch và ra quyết định quản lí. | 2 |
| Phân tích được các kĩ năng xử lí xung đột trong lãnh đạo, quản lý và thực hành nghề nghiệp. | 2 |
| Xây dựng được các phương án hiện thực hóa các mục tiêu trong lập kế hoạch và ra quyết định quản lí. | 3 |
| Vận dụng được các kĩ năng xử lý xung đột trong lãnh đạo, quản lý và thực hành nghề nghiệp. | 3 |

*Chú giải Thang trình độ năng lực (TĐNL):*

|  |  |
| --- | --- |
| **Cấp độ tư duy** | **Mô tả** |
| **1**  **Hiểu** | Học sinh hiểu các khái niệm cơ bản và có thể vận dụng chúng khi chúng được thể hiện theo các cách tương tự như cách giáo viên đã giảng hoặc như các ví dụ tiêu biểu về chúng trên lớp học. |
| **2**  **Vận dụng (ở cấp độ thấp)** | Học sinh có thể hiểu được khái niệm ở một cấp độ cao hơn “thông hiểu”, tạo ra được sự liên kết logic giữa các khái niệm cơ bản và có thể vận dụng chúng để tổ chức lại các thông tin đã được trình bày giống với bài giảng của giáo viên hoặc trong sách giáo khoa. |
| **3**  **Vận dụng (ở cấp độ cao)** | Học sinh có thể sử dụng các khái niệm về môn học - chủ đề để giải quyết các vấn đề mới, không giống với những điều đã được học hoặc trình bày trong sách giáo khoa nhưng phù hợp khi được giải quyết với kỹ năng và kiến thức được giảng dạy ở mức độ nhận thức này. Đây là những vấn đề giống với các tình huống Học sinh sẽ gặp phải ngoài xã hội. |

**3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chức danh**  **Nghề**  **Nghiệp**  **Môi**  **trường**  **làm việc** | **Nghiên cứu viên** | **Giảng viên, giáo viên LLCT** | **Phóng viên, biên tập viên** | **Chuyên viên công tác chính trị** |
| Cơ quan, tổ chức thuộc bộ máy chính trị của Đảng và Nhà nước |  |  |  | 1 |
| Trường Đảng khu vực, trường chính trị tỉnh/thành phố, trung tâm giáo dục chính trị quận/huyện |  | 2 |  | 1 |
| Cơ quan báo chí, truyền thông |  |  | 1 | 1 |
| Trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp | 1 | 2 |  | 1 |
| Viện nghiên cứu về lĩnh vực chính trị | 1 |  |  | 1 |

***Chú giải:***

|  |  |
| --- | --- |
| 1 | Người học sẽ làm được ngay sau khi tốt nghiệp |
| 2 | Người học có thể làm được; người học sẽ làm tốt hơn nếu được tích lũy kinh nghiệm (học bổ sung, học nâng cao trình độ) |
|  | Không có vị trí việc làm tại môi trường làm việc tương ứng |

**4. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi ra trường**

- Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo bậc đại học ngành *Chính trị học* có thể tiếp tục học tập nâng cao trình độ ở bậc sau đại học ngành Chính trị học và một số chuyên ngành Khoa học chính trị khác như Chính trị Việt Nam, Chính trị quốc tế, Chính trị học so sánh, Chính trị học phát triển... ở các cơ sở đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ trong nước và nước ngoài. Người học cũng có thể học chuyển đổi để tiếp tục học bậc sau đại học ở một số ngành học gần với Chính trị học như: Triết học, Kinh tế chính trị, Đường lối của Đảng CSVN, Tư tưởng Hồ Chí Minh...

**-**Trong thời gian học tập tại trường Đại học Thủ đô Hà Nội, sinh viên được học song song văn bằng 2 theo nhu cầu.

**5. Các chương trình, tài liệu chuẩn quốc tế mà nhà trường tham khảo**

1. Luật Thủ đô.

2. Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

3. Quyết định số 1665/QĐ-UBND ngày 10/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy tắc ứng xử nơi công cộng trên địa bàn Thành phố.

4. Quyết định số 522/QĐ-UBND ngày 25/01/2017 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức người lao động trong các cơ quan thuộc thành phố Hà Nội.

5. Quyết định số 03/2018/QĐ-UBND ngày 16/01/2018 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ban hành quy chế xét tặng danh hiệu “Công dân Thủ đô ưu tú”.

6. Unesco.org/Global citizenship education.

7. Thông tư số 07/2015/TT – BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học với chuẩn đầu ra tối thiểu về kiến thức, kĩ năng, thái độ và trách nhiệm nghề nghiệp.

8. Hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo, Bộ Giáo dục & Đào tạo, 2010.

9. Chuẩn đầu ra của một số trường đại học đào tạo về Chính trị học ở Việt Nam: Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Nội vụ, Học viện Báo chí và tuyên truyền, Đại học Vinh… và một số trường đại học trên thế giới: Harvard University, Johns Hopkins University, University of Michigan…

*Hà Nội, ngày tháng năm 2019*

**HIỆU TRƯỞNG**

**Bùi Văn Quân**